

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17- 4-2018

V/v : “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Ngọc

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Hồng Nhung.

2. Ông Nguyễn Văn Hoàng Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 814/2017/TLST- HNGĐ ngày 05/12/2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị T**, sinh năm 1997.

HKTT: Ấp 4, xã A, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Bùi Quang T**, sinh năm 1994.

HKTT: Ấp T, xã Đ, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa chị Đinh Thị T trình bày:

Chị và anh Bùi Quang T tự nguyện chung sống và tổ chức đám cưới vào năm 2016. Có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện TB, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36/2016, ngày 06/5/2016. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, hai vợ chồng tính cách không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Đời sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, nặng nề, anh chị đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2017 đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Nay

chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi xin ly hôn với anh Bùi Quang T.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Bùi Quang N, sinh ngày 18/9/2017. Ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi con và tạm thời không yêu cầu anh Bùi Quang T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh T, kết quả xác minh thể hiện quá trình chung sống vợ chồng anh T và chị T chung sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng sống ly thân và chị T đã chuyển về sống cùng cha mẹ ruột tại xã A, huyện TB, tỉnh Đồng Nai từ tháng 02/2017 đến nay không thấy quay lại. Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án cho anh T nhưng anh T không gửi cho Tòa án ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ. Tòa án đã nhiều lần niêm yết Thông báo, giấy triệu tập anh T đến Tòa án để lấy lời khai đối chất; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không đến Tòa án làm việc.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng, bảo đảm sự vô tư, khách quan trong việc giải quyết vụ án. Về nội dung tranh chấp: Cuộc sống hôn nhân của chị Đinh Thị T và anh Bùi Quang T không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Giao con chung là cháu Bùi Quang N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T khai không có nợ chung, không có tài sản chung và anh T cũng không có ý kiến nên Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

Về tố tụng: Anh Bùi Quang T đi làm từ sáng đến tối mới về, không có người thân nhận thay và Tòa án không thể gửi qua đường bưu điện được nên Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh T được. Để đảm bảo thủ tục tố tụng, Tòa án và Chính quyền địa phương đã lập biên bản ghi nhận việc không thể tổng đạt trực tiếp cho anh T được và niêm yết: “Thông báo thụ lý vụ án”, “Giấy triệu tập”, “Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải”, “Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải”, “Thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ” tại địa chỉ nơi anh T cư trú, tại trụ sở UBND xã Đồi 61 và trụ sở Tòa án (các bút lục số 15-18, 22-26, 31-34, 43-46) đúng thời hạn luật định nhưng anh T vẫn không đến Tòa án làm việc. Do anh T đã được thông báo nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia phiên họp và hòa giải nên Tòa án đã lập biên bản ghi nhận việc không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp

cận chứng cứ và hòa giải được. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa do vắng mặt anh T cũng đã được tiến hành niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Chị T yêu cầu ly hôn với anh T, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung; nợ chung không có, tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các nội dung này đã được Tòa án ghi rõ trong các Thông báo mà anh T đã được niêm yết hợp lệ nhưng anh T không có ý kiến phản đối, không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai, lời trình bày của chị T và kết quả xác minh tại địa phương thì thấy cuộc sống chung của anh T và chị T không có hạnh phúc, không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trên thực tế, chị T đã chuyển về sống cùng cha mẹ ruột tại xã A, huyện TB, tỉnh Đồng Nai từ tháng 02/2017 đến nay, anh T không đến thăm vợ con và cũng không quan tâm, gì đến mẹ con chị T. Tòa án đã nhiều lần niêm yết hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải cho anh T để tiến hành hòa giải nhưng anh T không đến, cho thấy anh T không có thiện chí trở về đoàn tụ với chị T. Do vậy yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Tòa án đã nhiều lần niêm yết giấy triệu tập anh T đến Tòa án lấy lời khai, tiến hành đối chất để anh T có cơ hội chứng minh về điều kiện, khả năng nuôi con của mình nhưng anh T không đến Tòa án làm việc nên Tòa án căn cứ kết quả xác minh tại địa phương để xem xét về điều kiện nuôi con của các bên. Xét về điều kiện nuôi con của chị T thì thấy chị T hiện đang nuôi con chung dưới 36 tháng; Chị T và con có nơi cư trú và công việc ổn định. Còn anh T thì không quan tâm đến mẹ con chị T từ khi chị T có thai và chuyển về nhà cha mẹ ruột chị T sống tại xã A, huyện TB, tỉnh Đồng Nai từ tháng 02/2017 đến nay. Xét quyền lợi về mọi mặt của con và căn cứ khoản 3 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình: “con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi trừ khi có thỏa thuận khác” tuy nhiên trong vụ án này giữa anh T và chị T không có sự thỏa thuận nào và anh T cũng không có ý kiến gì về việc chị T yêu cầu được nuôi con khi ly hôn nên việc giao con chung cho chị T nuôi là phù hợp. Do vậy chấp nhận yêu cầu của chị T: Giao cháu Bùi Quang N cho chị Đinh Thị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Do chị T không yêu cầu nên tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Chị T khai hai vợ chồng anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T đã được Tòa án thông báo về các ý kiến, yêu cầu này của chị T nhưng cũng không có ý kiến gì. Do vậy Tòa án không giải quyết về tài sản chung của chị T, anh T trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Chị T cam kết chị và anh T không có nợ chung. Anh T đã được Tòa án thông báo về các ý kiến, yêu cầu này của chị T nhưng cũng không có

ý kiến gì. Do vậy Tòa án không giải quyết về nợ chung của chị T, anh T trong vụ án này.

[5] Về án phí ly hôn: Chị Đinh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị Đinh Thị T đã nộp.

[6] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều: 51, 56, 58, 81, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Các Điều: 28, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị T. Chị Đinh Thị T được ly hôn với anh Bùi Quang T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Quang N, sinh ngày 18/9/2017 cho chị Đinh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Bùi Quang T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của anh Bùi Quang T. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Đinh Thị T khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Đinh Thị T khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đinh Thị T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số: 005956 ngày 04/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị T đã nộp đủ án phí.

6. Chị Đinh Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Quang T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36, ngày 06/5/2016);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

Lê Hồng Ngọc

